



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Duy Chinh	Chủ tịch
	Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên
	Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên
	Ông Trần Đăng Thành	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Đăng Thành	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2005. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 0100107772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100107772 ngày 29 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 54 Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 31.644 triệu VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 26.827 triệu VND).

Ngày 26 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 13.649 triệu VND (ngày 15 tháng 4 năm 2015: 11.550 triệu VND). Ngày 24 tháng 8 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền trị giá 7.350 triệu VND (ngày 28 tháng 8 năm 2015: 7.350 triệu VND).

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Ma Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-03-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-077-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		150.684.468.722	151.249.431.382
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	61.213.134.341	76.865.641.184
Tiền	111		56.709.551.008	68.345.350.738
Các khoản tương đương tiền	112		4.503.583.333	8.520.290.446
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		559.000.000	848.084.800
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	1.460.200.000	1.460.200.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(901.200.000)	(679.800.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	67.684.800
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.308.197.917	70.753.643.366
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		79.498.798.325	63.666.788.940
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.585.651.040	4.352.658.709
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	8.781.503.031	8.317.339.524
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.557.754.479)	(5.583.143.807)
Hàng tồn kho	140	7	3.258.350.073	2.727.990.095
Hàng tồn kho	141		3.258.350.073	2.727.990.095
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.345.786.391	54.071.937
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.992.140	13.224.679
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.302.794.251	40.847.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		140.301.039.864	126.712.643.862
Các khoản phải thu dài hạn	210		83.850.000	31.400.000
Phải thu dài hạn khác	216		83.850.000	31.400.000
Tài sản cố định	220		125.127.223.751	114.644.907.156
Tài sản cố định hữu hình	221	8	109.785.003.423	99.263.747.690
Nguyên giá	222		179.645.595.468	157.921.582.507
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.860.592.045)	(58.657.834.817)
Tài sản cố định vô hình	227	9	15.342.220.328	15.381.159.466
Nguyên giá	228		17.715.335.251	17.389.649.251
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.373.114.923)	(2.008.489.785)
Tài sản dở dang dài hạn	240		65.000.000	2.115.103.081
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	65.000.000	2.115.103.081
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	2.103.410.315	3.609.146.060
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		2.103.410.315	3.609.146.060
Tài sản dài hạn khác	260		12.921.555.798	6.312.087.565
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	12.921.555.798	6.312.087.565
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		290.985.508.586	277.962.075.244

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

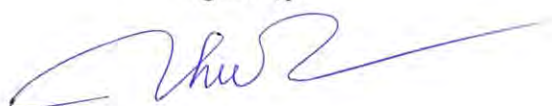
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		108.432.963.876	101.651.339.304
Nợ ngắn hạn	310		95.846.685.414	87.453.496.219
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.216.417.998	8.260.469.334
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.658.201.937	10.436.071.396
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	13.046.728.937	12.602.280.459
Phải trả người lao động	314		51.327.088.525	46.747.651.576
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.989.193.810	3.810.858.305
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.956.362.488	1.895.603.376
Vay ngắn hạn	320	15	3.602.991.546	3.411.536.919
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	16	49.700.173	289.024.854
Nợ dài hạn	330		12.586.278.462	14.197.843.085
Vay dài hạn	338	15	12.586.278.462	14.197.843.085
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		182.552.544.710	176.310.735.940
Vốn chủ sở hữu	410	17	182.552.544.710	176.310.735.940
Vốn cổ phần	411	18	104.999.550.000	104.999.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104.999.550.000	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ	415	19	(3.954.000)	(3.954.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	50.455.687.266	49.595.964.345
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.959.382.840	19.327.923.039
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		443.453.847	422.543.617
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.515.928.993	18.905.379.422
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.141.878.604	2.391.252.556
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		290.985.508.586	277.962.075.244

28 -03- 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

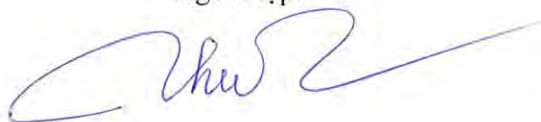
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	497.132.336.467	437.624.355.233
Giá vốn hàng bán	11		395.774.176.142	345.807.501.118
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		101.358.160.325	91.816.854.115
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.305.073.361	2.369.771.497
Chi phí tài chính	22	24	1.723.267.150	392.246.267
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.312.142.497	174.921.981
Phần lãi trong công ty liên kết	24		366.302.684	226.405.177
Chi phí bán hàng	25		22.388.724.727	22.425.456.184
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	39.657.510.418	36.519.652.047
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		39.260.034.075	35.075.676.291
Thu nhập khác	31	26	1.241.997.178	6.375.516.861
Chi phí khác	32	27	384.394.992	4.924.528.252
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		857.602.186	1.450.988.609
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.117.636.261	36.526.664.900
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.473.922.792	9.699.237.372
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		31.643.713.469	26.827.427.528
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		30.177.687.421	26.422.488.032
Cổ đông không kiểm soát	62		1.466.026.048	404.939.496
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.874	2.517

28-03-2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		40.117.636.261	36.526.664.900
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		13.442.130.517	10.665.319.269
Các khoản dự phòng	03		1.196.010.672	1.364.531.919
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.094.262)	(2.080.461.975)
Chi phí lãi vay	06		1.312.142.497	174.921.981
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		56.064.825.685	46.650.976.094
Biến động các khoản phải thu	09		(15.837.826.471)	(8.682.186.681)
Biến động hàng tồn kho	10		(530.359.978)	1.716.397.780
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		8.630.662.225	16.765.239.833
Biến động chi phí trả trước	12		(6.844.206.180)	(1.580.902.876)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	5.157.012
			41.483.095.281	54.874.681.162
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.312.142.497)	(174.921.981)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.815.986.175)	(12.242.564.415)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.925.140.970)	(3.757.079.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.429.825.639	38.700.114.950
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(22.727.052.261)	(37.743.044.606)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		30.000.000	4.340.167.394
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng	24		67.684.800	7.887.252.912
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.605.000.000	2.106.319.800
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		925.772.978	1.234.594.702
Tiền giảm do điều chuyển Công ty TNHH Thẩm định giá Vinacontrol			-	(4.088.827.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.098.594.483)	(26.263.536.956)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.106.570.000	17.859.380.004
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.526.679.996)	(987.210.000)
Tiền trả cổ tức	36		(21.563.628.003)	(18.899.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.983.737.999)	(2.027.037.996)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(15.652.506.843)	10.409.539.998
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		76.865.641.184	66.456.101.186
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	61.213.134.341	76.865.641.184

28 -03- 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởngMai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì và ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý và kim loại quý hiếm);
- Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ và thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải và giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Giám định tổn thất và đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;
- Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường;
- Kiểm tra phá hủy, không phá hủy;
- Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải) các dịch vụ phục vụ thông quan;
- Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá hủy; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong - cặp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn về chất lượng hàng hoá;
- Chứng nhận sản phẩm;
- Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (theo quy định của Nhà nước);

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện tự động hóa;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình xây dựng;
- Tư vấn, lắp đặt thiết bị;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, xây lắp, cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Giám sát thi công dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hoá;
- Dịch vụ kê khai thuế hải quan;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường); và
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty con (1/1/2016: 3 công ty con) và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 875 nhân viên (1/1/2016: 857 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị | 7 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 6 – 8 năm |
| ▪ Thiết bị và dụng cụ văn phòng | 3 – 8 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm đến 51 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 7 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng 15 đến 49 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là cung cấp dịch vụ giám định và giám sát và một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại
Tiền mặt	6.787.590.046	6.262.712.410
Tiền gửi ngân hàng	49.921.960.962	62.082.638.328
Các khoản tương đương tiền	4.503.583.333	8.520.290.446
	61.213.134.341	76.865.641.184

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016				1/1/2016		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu VDP	1.920	58.800.000	(*)	-	1.920	58.800.000	-
Cổ phiếu DAS	27.000	540.000.000	(*)	(442.800.000)	27.000	540.000.000	(221.400.000)
Cổ phiếu VVFC	31.000	861.400.000	(*)	(458.400.000)	31.000	861.400.000	(458.400.000)
		1.460.200.000		(901.200.000)		1.460.200.000	(679.800.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2016					1/1/2016								
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư góp vốn vào:															
▪ Công ty con															
• Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam		100%	100%					100%	100%					
• Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định môi trường Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	153.000	51%	51%				152.973	55,5%	51%					
• Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	102.000	51%	51%				25.500	51%	51%					
▪ Công ty liên kết															
• Văn phòng công chứng Thăng Long	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	868.571.952	-	(*)		45%	40%	872.379.824	-	(*)		
• Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	-		600.000	30%	30%	1.596.087.878	-	(*)		
• Công ty Cổ phần Đấu giá và Thương mại Thăng Long	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	-		-	-	-	50.424.366	-	(*)		
• Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Hà Nội, Việt Nam	105.000	35%	35%	1.234.838.363	-	(*)	105.000	35%	35%	1.090.253.992	-	(*)		
					2.103.410.315	-	(*)						3.609.146.060	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tạm ứng cho nhân viên	4.245.939.463	2.133.301.035
Ký cược, ký quỹ	3.863.578.246	5.720.236.046
Phải thu khác	671.985.322	463.802.443
	8.781.503.031	8.317.339.524

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nguyên vật liệu	3.124.319.073	1.244.750.019
Công cụ và dụng cụ	134.031.000	4.935.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.478.305.076
	3.258.350.073	2.727.990.095

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị và dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.787.293.986	58.760.602.969	20.299.573.303	6.074.112.249	157.921.582.507
Tăng trong năm	1.180.008.110	12.934.754.000	7.184.310.700	-	21.299.072.810
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.126.287.179	-	-	-	2.126.287.179
Thanh lý	-	-	(1.549.619.755)	-	(1.549.619.755)
Xóa sổ	(151.727.273)	-	-	-	(151.727.273)
Số dư cuối năm	75.941.862.002	71.695.356.969	25.934.264.248	6.074.112.249	179.645.595.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	17.136.432.648	25.813.341.728	13.373.574.024	2.334.486.417	58.657.834.817
Khấu hao trong năm	3.083.538.604	7.517.851.224	1.915.929.742	355.215.323	12.872.534.893
Thanh lý	-	-	(1.549.619.755)	-	(1.549.619.755)
Xóa sổ	(120.157.910)	-	-	-	(120.157.910)
Số dư cuối năm	20.099.813.342	33.331.192.952	13.739.884.011	2.689.701.740	69.860.592.045
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	55.650.861.338	32.947.261.241	6.925.999.279	3.739.625.832	99.263.747.690
Số dư cuối năm	55.842.048.660	38.364.164.017	12.194.380.237	3.384.410.509	109.785.003.423

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 24.029 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 21.865 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 14.463 triệu VND (1/1/2016: 15.428 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16.592.049.251	797.600.000	17.389.649.251
Tăng trong năm	324.750.000	-	324.750.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	936.000	-	936.000
Số dư cuối năm	16.917.735.251	797.600.000	17.715.335.251
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.401.686.250	606.803.535	2.008.489.785
Khấu hao trong năm	282.287.461	82.337.677	364.625.138
Số dư cuối năm	1.683.973.711	689.141.212	2.373.114.923
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	15.190.363.001	190.796.465	15.381.159.466
Số dư cuối năm	15.233.761.540	108.458.788	15.342.220.328

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 620 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 350 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.115.103.081	2.073.415.948
Tăng trong năm	1.103.229.451	2.092.453.628
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.126.287.179)	(1.658.165.724)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(936.000)	(178.000.000)
Xoá sổ	(1.026.109.353)	(214.600.771)
Số dư cuối năm	65.000.000	2.115.103.081

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Dự án xây dựng Trung tâm Phân tích và Thử nghiệm 1 tại Ninh Hiệp	50.000.000	-
Dự án Văn phòng Chàng Mây	15.000.000	-
Trụ sở Văn phòng Dung Quất	-	1.026.109.353
Công trình Nghi Sơn	-	944.622.728
Trạm gom mẫu cầu Đá Bạc	-	143.435.000
Khác	-	936.000
	65.000.000	2.115.103.081

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Chi phí	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	trả trước khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.340.812.788	4.971.274.777	-	6.312.087.565
Tăng trong năm	6.461.345.455	3.709.269.871	148.326.000	10.318.941.326
Phân bổ trong năm	(204.970.486)	(3.481.802.607)	(22.700.000)	(3.709.473.093)
Số dư cuối năm	7.597.187.757	5.198.742.041	125.626.000	12.921.555.798

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Nhật	-	2.361.242.000	
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Cát Thuỷ	974.350.000	974.350.000	
Công ty TNHH Xây dựng Quang Đức	155.216.000	-	
Cty TNHH MTV CN Tàu thủy Cái Lân	56.297.500	155.216.000	
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	98.098.000	140.357.421	
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Dịch vụ			
Du lịch Phương Anh	1.768.729.029	169.510.000	
Các nhà cung cấp khác	8.163.727.469	4.459.793.913	
	11.216.417.998	8.260.469.334	

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Khấu trừ VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.988.585.770	51.730.533.631	(17.482.168.045)	(35.308.678.273)	3.928.273.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.245.085.803	8.473.922.792	-	(8.815.986.175)	1.903.022.420
Thuế thu nhập cá nhân	5.368.608.886	9.645.972.272	-	(7.799.147.724)	7.215.433.434
Thuế khác	-	456.358.570	-	(456.358.570)	-
	12.602.280.459	70.306.787.265	(17.482.168.045)	(52.380.170.742)	13.046.728.937

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	327.784.976	815.114.823
Cổ tức phải trả	34.126.012	10.634.015
Trích trước thuế thu nhập cá nhân phải trả	231.229.304	232.804.316
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.000.000.000	-
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	290.000.000	-
Phải trả liên quan đến dự án Hỗ trợ Y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng bằng Sông Hồng	565.326.582	-
Phải trả khác	507.895.614	837.050.222
	2.956.362.488	1.895.603.376

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay cá nhân 1	VND	6%	2017	600.000.000	600.000.000
Vay cá nhân 2	VND	6%	2017	2.470.000.000	1.110.000.000
Vay ngân hàng 1	VND	11,5% - 11,7%	2017	13.850.000	180.530.000
Vay ngân hàng 2	VND	9,4%	2017	130.000.008	260.000.004
Vay ngân hàng 3	VND	7,5%	2020	11.712.280.000	14.712.280.000
Vay ngân hàng 4	VND	7,1%	2019	1.263.140.000	746.570.000
Số dư cuối năm				16.189.270.008	17.609.380.004
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(3.602.991.546)	(3.411.536.919)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				12.586.278.462	14.197.843.085

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.363 triệu VND (1/1/2016: 15.428 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các tập thể và cá nhân trong và ngoài Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	289.024.854	17.270.635
Trích lập trong năm	3.685.816.289	3.614.650.501
Sử dụng trong năm	(3.925.140.970)	(3.342.896.282)
Số dư cuối năm	49.700.173	289.024.854

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	104.999.550.000	(3.954.000)	46.962.196.840	18.467.244.547	1.986.313.060	172.411.350.447
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	26.422.488.032	404.939.496	26.827.427.528
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.633.767.505	(2.633.767.505)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.614.650.501)	-	(3.614.650.501)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(18.899.208.000)	-	(18.899.208.000)
Biến động khác	-	-	-	(414.183.534)	-	(414.183.534)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	49.595.964.345	19.327.923.039	2.391.252.556	176.310.735.940
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.177.687.421	1.466.026.048	31.643.713.469
Phân bổ vào các quỹ	-	-	859.722.921	(859.722.921)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.558.416.289)	(127.400.000)	(3.685.816.289)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(20.999.120.000)	(588.000.000)	(21.587.120.000)
Biến động khác	-	-	-	(128.968.410)	-	(128.968.410)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	50.455.687.266	23.959.382.840	3.141.878.604	182.552.544.710

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	10.499.955	104.999.550.000	10.499.955	104.999.550.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	10.499.955	104.999.550.000	10.499.955	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(395)	(3.954.000)	(395)	(3.954.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	10.499.560	104.995.596.000	10.499.560	104.995.596.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Cổ tức

Ngày 26 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 13.649 triệu VND (ngày 15 tháng 4 năm 2015: 11.550 triệu VND). Ngày 24 tháng 8 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức bằng tiền trị giá 7.350 triệu VND (ngày 28 tháng 8 năm 2015: 7.350 triệu VND).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	3.593.025.000	4.351.608.360
Trong vòng hai đến năm năm	3.817.316.667	58.500.000
Sau năm năm	308.343.750	321.750.000
	7.718.685.417	4.731.858.360

(b) Ngoại tệ các loại

		31/12/2016		1/1/2016
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	335.729	7.623.657.212	314.313	7.056.346.384
EUR	231	5.492.415	242	5.925.931
		7.629.149.627		7.062.272.315

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	15.195.685.083	13.826.080.468

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	860.660.978	841.646.709
Cổ tức và lợi nhuận được chia	65.112.000	392.947.993
Lãi chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần		
Kiểm định Xây dựng IDICO Vinacontrol	105.000.000	-
Thu nhập từ bán chứng khoán	-	5.157.012
Lãi chênh lệch tỷ giá	274.300.383	1.130.019.783
	1.305.073.361	2.369.771.497

24. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền vay	1.312.142.497	174.921.981
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	221.400.000	160.654.028
Chi phí tài chính khác	189.724.653	56.670.258
	1.723.267.150	392.246.267

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	23.005.633.369	21.729.432.454
Chi phí văn phòng phẩm	474.155.715	648.805.223
Trích lập dự phòng nợ xấu	2.344.215.287	1.203.877.891
Chi phí khấu hao	1.468.927.897	1.200.279.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.638.298.233	7.760.058.308
Chi phí khác	3.726.279.917	3.977.198.708
	39.657.510.418	36.519.652.047

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thu nhập khác**

	2016 VND	2015 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	30.000.000	4.340.167.394
Thu nhập từ khoản nợ phải trả được xóa nợ	331.011.174	718.038.000
Các khoản khác	880.986.004	1.317.311.467
	1.241.997.178	6.375.516.861

27. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	31.569.363	3.650.619.921
Các khoản bị phạt	298.435.458	919.577.323
Xóa sổ khoản tạm ứng cho nhân viên	-	295.426.617
Các khoản khác	54.390.171	58.904.391
	384.394.992	4.924.528.252

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí kinh doanh	31.316.060.945	24.640.718.662
Chi phí nhân viên	282.679.723.072	256.788.129.806
Chi phí khấu hao	13.442.130.517	10.665.319.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.292.575.796	71.862.587.808
Chi phí khác	33.611.615.881	37.532.918.315

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	8.084.994.131	8.094.439.127
Dự phòng thiếu trong những năm trước	388.928.661	1.604.798.245
	8.473.922.792	9.699.237.372

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.117.636.261	36.526.664.900
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.023.527.252	8.035.866.278
Ưu đãi thuế	-	(31.026.768)
Chi phí không được khấu trừ thuế	155.051.015	212.077.464
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(80.561.736)	62.684.429
Thu nhập từ cổ tức không phải chịu thuế	(13.022.400)	(185.162.276)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	388.928.661	1.604.798.245
	8.473.922.792	9.699.237.372

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 30.177.687.421 VND (2015: 26.422.488.032 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 10.499.560 cổ phiếu (2015: 10.499.560 cổ phiếu), chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	30.177.687.421	26.422.488.032
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	30.177.687.421	26.422.488.032

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Cổ đông lớn		
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</i>		
Trả cổ tức	6.300.000.000	5.670.000.000
Quỹ đầu tư Barca Global Master Fund		
Trả cổ tức	2.210.665.100	1.989.599.400
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt		
Trả cổ tức	2.197.400.000	-
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.571.612.455	2.296.628.980
Thù lao	516.000.000	516.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Điều chuyển Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol		
Giảm các khoản phải thu ngắn hạn	-	630.304.377
Giảm tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	-	970.494.024
Tăng đầu tư vào Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	-	1.050.000.000
Giảm chi phí trả trước dài hạn	-	91.261.702
Giảm các khoản nợ ngắn hạn khác	-	2.780.887.261

33. Số liệu so sánh

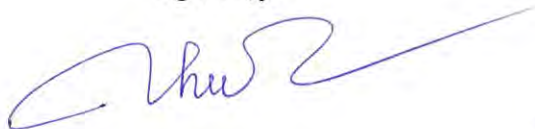
Một số số liệu so sánh khác cũng được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016 (đã phân loại lại) VND	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản tương đương tiền	8.520.290.446	2.020.290.446
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	67.684.800	6.567.684.800

28-03-2017

Người lập:

Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởngMai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Số: 119 /TGĐ – TC

Hà nội, ngày 05 tháng 04 năm 2017

V/v. Giải trình số liệu thay đổi trong
báo cáo tài chính HN
năm 2016 sau kiểm toán.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.
 - Mã chứng khoán: VNC.
 - Địa chỉ trụ sở chính: 54 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - Điện thoại: 04. 39435638/04. 38226020.
 - Fax: 04. 39433844.
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phan Văn Hùng.
2. Nội dung thông tin công bố:
 - + Giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol trước và sau kiểm toán (Phụ lục 2).
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05./04/2017 tại đường dẫn (<http://vinacontrol.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo).
- Lưu TC, VT.

P TÔNG GIÁM ĐỐC



Phan Văn Hùng

PHỤ LỤC 2 (Đính kèm công văn số 119 /TGD-TC ngày 05 /04/2017)

Thực hiện quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol xin được giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2016 đã công bố như sau:

STT	Những chỉ tiêu thay đổi	Mã số	Số liệu theo BCTC quý 4/2016 đã công bố	Số liệu theo BCTC năm 2016 đã kiểm toán	Chênh lệch giữa BCTC đã kiểm toán so với BCTC đã công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I/.	Bảng cân đối kế toán:				
1	Tiền	111	56.726.887.187	56.709.551.008	-17.336.179
2	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	75.632.980.734	79.498.798.325	3.865.817.591
3	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.540.651.040	2.585.651.040	-955.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	8.726.353.031	8.781.503.031	55.150.000
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6.793.605.042	6.557.754.479	-235.850.563
6	Hàng tồn kho	141	6.539.418.064	3.258.350.073	-3.281.067.991
7	Phải thu dài hạn khác	216	39.000.000	83.850.000	44.850.000
8	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2.328.936.500	2.103.410.315	-225.526.185
9	Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.941.985.398	11.216.417.998	274.432.600
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.078.274.694	13.046.728.937	-31.545.757
11	Phải trả ngắn hạn khác	319	3.271.314.559	2.956.362.488	-314.952.071
12	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	2.102.991.546	3.602.991.546	1.500.000.000
13	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14.086.278.462	12.586.278.462	-1.500.000.000
14	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	23.716.023.821	23.515.928.993	-200.094.828
15	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	3.146.980.749	3.141.878.604	-5.102.145
II/.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	493.226.835.876	497.132.336.467	3.905.500.591
2	Giá vốn hàng bán	11	391.613.675.551	395.774.176.142	4.160.500.591
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	101.613.160.325	101.358.160.325	-255.000.000
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.785.969.713	1.305.073.361	-1.480.896.352
5	Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	512.814.928	366.302.684	-146.512.244
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39.603.677.981	39.657.510.418	53.832.437

STT	Những chỉ tiêu thay đổi	Mã số	Số liệu theo BCTC quý 4/2016 đã công bố	Số liệu theo BCTC năm 2016 đã kiểm toán	Chênh lệch giữa BCTC đã kiểm toán so với BCTC đã công bố
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	41.196.275.108	39.260.034.075	-1.936.241.033
8	Chi phí khác	32	773.323.653	384.394.992	-388.928.661
9	Lợi nhuận khác	40	468.673.525	857.602.186	388.928.661
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	41.664.948.633	40.117.636.261	-1.547.312.372
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.116.539.888	8.473.922.792	357.382.904
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	33.548.408.745	31.643.713.469	-1.904.695.276
13	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	31.961.320.382	30.177.687.421	-1.783.632.961
14	L/nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	1.587.088.363	1.466.026.048	-121.062.315
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.044	2.874	-170

Lý do:

I/. Bảng cân đối kế toán:

- Tiền: Số chênh lệch giảm 17.336.179 đồng là do:
 - ✓ Hạch toán bổ sung khoản lãi tiền gửi ngân hàng 151.103.648 đồng tại Công ty mẹ (Văn phòng Công ty).
 - ✓ Công ty con hạch toán số tiền thanh toán bảo hiểm 168.439.827 đồng vì số dư trên tài khoản tiền gửi nhỏ hơn số ghi nhận trên TK112 (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng: Số chênh lệch tăng 3.865.817.591 đồng là do Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) ghi nhận bổ sung doanh thu tương ứng với phần chi phí phát sinh trong kỳ theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chính sách của công ty.
- Trả trước cho người bán ngắn hạn: Số chênh lệch giảm 955.000.000 đồng là do:
 - ✓ Công ty con (Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol) điều chỉnh khoản trả trước cho nhà cung cấp 100.000.000 đồng sang khoản phải thu khác vì đây là khoản tiền đặt cọc dự thầu.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh khoản trả trước về mua thiết bị xử lý khí thải cho Công ty TNHH cơ khí Thiên Bình số tiền 505.000.000 đồng sang giá vốn vì đã nhận được máy móc thiết bị và đưa vào thực hiện dự án.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) giảm khoản trả trước cho Công ty Đồng Xanh 350.000.000 đồng vì đã nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.
- Phải thu ngắn hạn khác: Số chênh lệch tăng 55.150.000 đồng là do:

- ✓ Công ty con (Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol) điều chỉnh khoản trả trước cho nhà cung cấp 100.000.000 đồng sang khoản phải thu khác vì đây là khoản tiền đặt cọc dự thầu.
- ✓ Phân loại lại khoản tiền ký quỹ, ký cược của công ty con (Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. HCM) số tiền 44.850.000 đồng từ ngắn hạn sang dài hạn theo đúng quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: Số chênh lệch giảm 235.850.563 đồng là do hoàn lại khoản dự phòng công nợ khó đòi đã trích lập không theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
- 6. Hàng tồn kho: Số chênh lệch giảm 3.281.067.991 đồng là do Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào giá vốn hàng bán.
- 7. Phải thu dài hạn khác: Số chênh lệch tăng 44.850.000 đồng là do phân loại lại khoản tiền ký quỹ, ký cược của công ty con (Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh) số tiền 44.850.000 đồng từ ngắn hạn sang dài hạn theo đúng quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- 8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Số chênh lệch giảm 225.526.185 đồng là do giảm giá trị đầu tư tương ứng với lợi ích đơn vị được hưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 của các công ty liên kết mà các công ty này phân phối cho Vinacontrol trong năm 2016.
- 9. Phải trả người bán ngắn hạn: Số chênh lệch tăng 274.432.600 đồng là do Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) ghi nhận giá trị hóa đơn từ Công ty Đồng Xanh phát hành.
- 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: Số chênh lệch giảm 31.545.757 đồng là do:
 - ✓ Công ty mẹ (Văn phòng Công ty) trích thêm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 30.220.730 đồng tương ứng với phần doanh thu hoạt động tài chính tăng 151.103.648 đồng.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 61.766.487 đồng tương ứng với phần lợi nhuận chịu thuế giảm 308.832.437 đồng.
- 11. Phải trả ngắn hạn khác: Số chênh lệch giảm 314.952.071 đồng là do:
 - ✓ Công ty con hạch toán số tiền thanh toán bảo hiểm 168.439.827 đồng đang theo dõi trên khoản phải nộp ngắn hạn (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) vì số dư trên tài khoản tiền gửi nhỏ hơn số ghi nhận trên TK112.
 - ✓ Điều chỉnh xóa số dư khoản đầu tư 146.512.244 đồng vào 2 công ty: Công ty CP kiểm định xây dựng Idico Vinacontrol (số tiền 96.087.878 đồng) và Công ty CP đấu giá và thương mại Thăng Long (số tiền 50.424.366 đồng) do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này.
- 12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Số chênh lệch tăng 1.500.000.000 đồng là do đơn phân loại lại khoản tiền vay theo đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nợ ngắn và dài hạn.

13. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: Số chênh lệch giảm 1.500.000.000 đồng là do đơn vị chuyển bớt sang chỉ tiêu “vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” theo đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nợ ngắn và dài hạn.

14. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này: Số chênh lệch giảm 200.094.828 đồng là do:

- ✓ Đơn vị tăng doanh thu hoạt động tài chính 151.103.648 đồng từ khoản lãi tiền gửi ngân hàng nên làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
- ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 61.766.487 đồng tương ứng với phần lợi nhuận trước thuế giảm nên làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
- ✓ Điều chỉnh xóa số dư khoản đầu tư 146.512.244 đồng vào 2 công ty liên kết: Công ty CP kiểm định xây dựng Idico Vinacontrol và Công ty CP đấu giá và thương mại Thăng Long do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này nên làm tăng lợi nhuận chưa phân phối kỳ này.
- ✓ Đơn vị tăng lợi nhuận chưa phân phối kỳ này của cổ đông công ty mẹ 5.102.145 đồng nên làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
- ✓ Đơn vị trích thêm thuế thu nhập doanh nghiệp 30.220.730 đồng tương ứng với phần doanh thu hoạt động tài chính tăng nên làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
- ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) bị giảm lợi nhuận trước thuế 308.832.437 đồng (do điều chỉnh doanh thu và chi phí) làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.
- ✓ Điều chỉnh khoản lợi ích đơn vị được hưởng 225.526.185 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 của các công ty liên kết mà các công ty này phân phối cho Vinacontrol trong năm 2016 nên làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.

15. Lợi ích cổ đông không kiểm soát: Số chênh lệch giảm 5.102.145 đồng tương ứng với lợi nhuận giảm của công ty con.

II/. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Số chênh lệch tăng 3.905.500.591 đồng là do Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) ghi nhận bổ sung doanh thu tương ứng với phần chi phí phát sinh trong kỳ theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chính sách của công ty.
2. Giá vốn hàng bán: Số chênh lệch tăng 4.160.500.591 đồng là do Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) ghi nhận chi phí trong kỳ tương ứng với phần doanh thu ghi nhận tăng. Cụ thể:
 - ✓ Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vào giá vốn hàng bán số tiền 3.281.067.991 đồng
 - ✓ Chuyển khoản trả trước về mua thiết bị xử lý khí thải cho Công ty TNHH cơ khí Thiên Bình số tiền 505.000.000 đồng sang giá vốn vì đã nhận được máy móc thiết bị và đưa vào thực hiện dự án.
 - ✓ Ghi tăng giá vốn hàng bán 624.432.600 đồng từ hóa đơn do Công ty Đồng Xanh phát hành vì đã nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp nhưng kế toán công ty chưa ghi nhận.

- ✓ Điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán, tăng chi phí quản lý doanh nghiệp cho phù hợp với khoản phí công ty đã ghi nhận số tiền 250.000.000 đồng.
- 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Số chênh lệch giảm 255.000.000 đồng là do biến động về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.
- 4. Doanh thu hoạt động tài chính: Số chênh lệch giảm 1.480.896.352 đồng là do:
 - ✓ Loại trừ cổ tức, lợi nhuận được chia 1.632.000.000 từ một số công ty con chuyển về.
 - ✓ Hạch toán bổ sung khoản lãi tiền gửi ngân hàng 151.103.648 đồng tại Công ty mẹ (Văn phòng Công ty).
- 5. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết: Số chênh lệch giảm 146.512.244 đồng là do xóa sổ dư khoản đầu tư vào 2 công ty liên kết: Công ty CP kiểm định xây dựng Idico Vinacontrol và Công ty CP đấu giá và thương mại Thăng Long do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này.
- 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp: Số chênh lệch tăng 53.832.437 là do Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh:
 - ✓ Giảm 235.850.563 đồng là do hoàn lại khoản dự phòng công nợ khó đòi đã trích lập không theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol).
 - ✓ Xử lý khoản phải thu của Công ty TNHH phát triển công nghệ BTK trị giá 39.683.000 đồng được đánh giá là không thể thu hồi làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - ✓ Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm giá vốn hàng bán cho phù hợp với khoản phí công ty đã ghi nhận số tiền 250.000.000 đồng.
- 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Số chênh lệch giảm 1.936.241.033 đồng là do sự biến động của các chỉ tiêu liên quan.
- 8. Chi phí khác: Chênh lệch giảm 388.928.661 đồng là do phân loại lại cho đúng tính chất chi phí.
- 9. Lợi nhuận khác: Chênh lệch tăng 388.928.661 đồng là do sự biến động của các chỉ tiêu liên quan.
- 10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Chênh lệch giảm 1.547.312.372 đồng là do sự biến động các chỉ tiêu liên quan. Cụ thể:
 - ✓ Tăng doanh thu hoạt động tài chính 151.103.648 đồng từ khoản lãi tiền gửi ngân hàng tại Công ty mẹ (Văn phòng công ty) nên làm tăng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Giảm chi phí khác 388.928.661 đồng tại công ty con (Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh) nên làm tăng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Loại trừ cổ tức, lợi nhuận được chia 1.632.000.000 từ một số công ty con chuyển về nên làm giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Loại trừ giá trị khoản đầu tư tại 2 công ty liên kết 146.512.244 đồng do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này nên làm giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.
 - ✓ Sau khi thực hiện các bút toán điều chỉnh doanh thu và chi phí, lợi nhuận của công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) bị giảm 308.832.437 đồng, từ đó làm giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Số chênh lệch tăng 357.382.904 đồng là do:
- ✓ Công ty mẹ (Văn phòng Công ty) trích thêm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 30.220.730 đồng tương ứng với phần doanh thu hoạt động tài chính tăng 151.103.648 đồng.
 - ✓ Ghi tăng thuế thu nhập doanh nghiệp 388.928.661 đồng do phân loại lại cho đúng tính chất chi phí.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 61.766.487 đồng tương ứng với phần lợi nhuận chịu thuế giảm 308.832.437 đồng.
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Số chênh lệch giảm 1.904.695.276 đồng là do sau khi thực hiện các bút toán điều chỉnh:
- ✓ Công ty mẹ (Văn phòng Công ty) tăng 120.882.918 đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - ✓ Công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) giảm 247.065.950 đồng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - ✓ Loại trừ cổ tức, lợi nhuận được chia 1.632.000.000 từ một số công ty con chuyển về.
 - ✓ Loại trừ giá trị khoản đầu tư tại 2 công ty liên kết 146.512.244 đồng do thực tế đã thanh lý khoản đầu tư này.
13. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ: Số chênh lệch giảm 1.783.632.961 đồng là do:
- ✓ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 1.904.695.276 đồng nên làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ.
 - ✓ Đơn vị tăng lợi nhuận chưa phân phối của cổ đông công ty mẹ 121.062.315 đồng tương ứng với lợi nhuận điều chỉnh giảm của các cổ đông không kiểm soát tại công ty con.
14. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: Số chênh lệch giảm 121.062.315 đồng tương ứng tỷ lệ lợi ích của các cổ đông không kiểm tại công ty con (Công ty CP tư vấn và thẩm định môi trường Vinacontrol) vì sau kiểm toán công ty này bị giảm 247.065.950 đồng.
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu: Số chênh lệch giảm 170 đồng là do lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ bị giảm.